

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 01 - 2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp

2. Ông Nguyễn Thắng Anh Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Nguyên Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L - sinh năm 1987 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn TT, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố Phú Lộc Tây 3, Thị trấn Diên Khánh, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Dương Quốc D - sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn TT, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày: bà và ông Dương Quốc D tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D vào ngày 16/8/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2006, khi bà sinh con thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông D thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập bà và có những lời nói xúc phạm bà. Từ năm 2018 đến nay, bà và ông D không còn chung sống với nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông D, mâu thuẫn giữa cả hai đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Dương Quốc D. Về con chung: bà và ông D có hai con chung là Dương Quốc H (sinh ngày 10/3/2006) và Dương Thị Tường V (sinh ngày 28/8/2011), đang ở cùng ông D. Hiện tại, bà đang thuê nhà trọ để sinh sống tại xã Diên Sơn, huyện D, bà làm

phụ hồ, cuộc sống bấp bênh, công việc và thu nhập không ổn định. Vì vậy, bà giao hai con chung cho ông D nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: bà và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Đối với bị đơn ông Dương Quốc D trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không đến Tòa để làm việc.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng, bị đơn không đến Tòa án làm việc. Về giải quyết nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L. Về án phí: nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thủ tục tố tụng: bị đơn ông Dương Quốc D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Dương Quốc D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/8/2005 và được Ủy ban nhân dân xã D cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32, đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Trúc L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Dương Quốc D. Ông D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà L. Xét vợ chồng bà L, ông D đã không còn tình cảm và sống riêng từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc L đối với ông Dương Quốc D là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: bà L, ông D có 02 con chung là Dương Quốc H (sinh ngày 10/3/2006) và Dương Thị Tường V (sinh ngày 28/8/2011). Hiện hai con chung đang sinh sống cùng ông D do ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; các con chung đều có nguyện vọng được sinh sống cùng ông D; đồng thời bà L cũng có yêu cầu giao các con cho ông Dũng chăm sóc, xét thấy để đảm bảo việc nuôi dạy, chăm sóc, phát triển mọi mặt của các cháu nên giao hai con chung cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà L.

Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà L và ông Dũng đều có

quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung

[2.3] Về tài sản chung: bà L và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: bà L xác định giữa bà và ông D không có nợ chung nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51; 56; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, khoản 2 Điều 227; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Dương Quốc D.

- Về con chung: ông Dương Quốc D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục em Dương Quốc H (sinh ngày 10/3/2006) và Dương Thị Tường V (sinh ngày 28/8/2011). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà L.

Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà L và ông Du đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung: bà L, ông Du không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Trúc L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008021 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND huyện D;
 - Chi cục THADS huyện D;
 - UBND xã D
- (Số 32 ngày 1/8/2005);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Bảo Ngân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

